

TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **34/2023/DSST**

Ngày **21/7/2023**

Vv “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hồng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Ông Tán Nghị

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký TAND huyện Hòa Vang

Ngày 21/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-DS ngày 10/7/2023; giữa:

***Nguyên đơn:** Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ.

Người được ủy quyền: Bà Phạm Huyền T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. (Văn bản ủy quyền số 2480 ngày 21/07/2023). Có mặt

***Bị đơn:** Bà **Võ Thị T1**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn – bà Phạm Huyền T trình bày:

Vào ngày 07/6/2019, bà Võ Thị N có cho bà Võ Thị T1 mượn số tiền 30.000.000 đồng, bà T1 hẹn sau 30 ngày sẽ trả lại cho bà N số tiền nêu trên. Việc vay tiền có viết giấy mượn tiền đề ngày 07/6/2019. Hết thời hạn bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T1 thanh toán nhưng bà T1 không thực hiện và cố tình dây dưa kéo dài. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Võ Thị T1 thanh toán số tiền 42.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 12.000.000 đồng (lãi tạm tính từ ngày 08/07/2019 đến ngày 07/4/2023 với mức lãi suất là 10%/năm).

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn – bà Võ Thị T1 trình bày:*

Tôi có mượn bà Võ Thị N số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 07/6/2019 và số tiền 50.000.000 đồng vào ngày nào tôi không nhớ. Tổng cộng là 80.000.000 đồng. Đến tháng 10 năm 2022, bà N có yêu cầu tôi trả tiền gốc và tiền lãi cho 02 khoản tiền trên là 150.000.000 đồng nhưng tôi không có tiền nên tôi xin giảm tiền lãi xuống, bà N đồng ý với số tiền là 120.000.000 đồng. Chồng tôi là ông H đã trả đủ số tiền mượn bà N là 120.000.000 đồng và yêu cầu bà N giao lại giấy mượn tiền thì bà N không giao và đã thất lạc tìm không thấy. Tôi đã trả đủ số tiền vay cho bà N và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với giấy mượn tiền của bà Võ Thị N đề ngày 07/6/2019 với số tiền 30.000.000 đồng là chữ viết và chữ ký của tôi

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Huyền T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị T1 đề nghị hiện tại đang gặp khó khăn, khi nào có khả năng thì sẽ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị N nộp tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đối với bị đơn bà Võ Thị T1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Vào ngày 07/6/2019, bà Võ Thị N có cho bà Võ Thị T1 mượn số tiền 30.000.000 đồng, bà T1 hẹn bà N sau 30 ngày sẽ trả lại số tiền nêu trên. Việc mượn tiền có viết giấy mượn tiền đề ngày 07/6/2019. Hết thời hạn bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T1 thanh toán nhưng bà T1 không thực hiện và dấy dưng kéo dài không trả nợ. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị T1 thanh toán số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền nợ lãi tính từ ngày 08/07/2019 đến ngày 21/07/2023 với mức lãi suất là 10%/năm).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Vào ngày 07/6/2019, bà Võ Thị N có cho bà Võ Thị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, khi mượn tiền bà T1 hẹn bà N sau 30 ngày sẽ trả lại số tiền nêu trên. Việc vay tiền có viết giấy mượn tiền đề ngày 07/6/2019. Hết thời hạn bà N đã nhiều lần yêu cầu bà T1 thanh toán nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền đã mượn trên. Do đó HĐXX thấy yêu cầu khởi kiện cũng như chứng cứ là giấy mượn tiền do bà Võ Thị N xuất trình, cung cấp cho Tòa án hoàn toàn chính đáng, phù hợp và có căn cứ nên cần

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N buộc bà Võ Thị T1 phải trả lại cho bà Võ Thị N số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà Võ Thị T1 thì thấy bà T1 xác nhận có mượn bà N số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 07/6/2019 và số tiền 50.000.000 đồng không nhớ rõ ngày. Tổng cộng là 80.000.000 đồng. Đến tháng 10 năm 2022, bà N có yêu cầu bà T1 trả tiền gốc và tiền lãi cho 02 khoản tiền trên là 150.000.000 đồng nhưng bà T1 không có tiền nên xin giảm tiền lãi xuống, bà N đồng ý với số tiền là 120.000.000 đồng. chồng bà T1 là ông H đã trả đủ số tiền mượn bà N là 120.000.000 đồng và yêu cầu bà N giao lại giấy mượn tiền thì bà N không giao, bà N nói đã thất lạc tìm không thấy. Bà T1 xác nhận đã trả đủ số tiền của bà N và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tuy nhiên trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T1 không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh việc bà đã trả hết khoản nợ cho bà N, đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà Võ Thị N, mặt khác bà đề nghị hiện nay hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên chưa có khả năng trả cho bà N số tiền nợ trên, khi nào có bà sẽ trả, HĐXX không có cơ sở để xem xét yêu cầu của bà Võ Thị T1 mà cần buộc bà Võ Thị T1 phải có trách nhiệm trả lại cho bà Võ Thị N số tiền tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, người được ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Huyền T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Võ Thị T1 phải trả tiền lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Huyền T là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 280, 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự. Các Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N đối với bị đơn bà Võ Thị T1 về việc yêu cầu tính lãi.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp đồng vay tài sản*” của nguyên đơn bà Võ Thị N đối với bị đơn bà Võ Thị T1.

Xử: Buộc bà Võ Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị N số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng

tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm 1.500.000 đồng bà Võ Thị T1 phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.031.250 đồng theo biên lai thu số 0009936 ngày 25/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC THÀNH VIÊN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự (theo địa chỉ);
- VKSND h. Hòa Vang;
- THADS h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Hồng Hải

CÁC THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA